

HOÀN THIÊN CƠ CHẾ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

PHAN THỊ THANH THẢO*

Bài viết nghiên cứu vấn đề hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước đối với di tích lịch sử - văn hóa của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả nghiên cứu cho thấy, vùng đồng bằng sông Cửu Long đã đạt được nhiều kết quả trong ban hành văn bản quản lý, kiểm kê, xếp hạng, tu bổ di tích, tuyên truyền giáo dục truyền thống và gắn di tích với phát triển du lịch. Tuy nhiên, cơ chế quản lý vẫn còn hạn chế về phối hợp liên ngành, nguồn lực tài chính, số hóa dữ liệu, xã hội hóa và sản phẩm du lịch di sản. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước đối với di tích lịch sử - văn hóa, góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa ở đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa: Di tích lịch sử - văn hóa; đồng bằng sông Cửu Long; quản lý nhà nước; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

This article examines the improvement of the state management mechanism of historical and cultural relics by provincial-level People's Committees in the Mekong Delta. The research findings show that the Mekong Delta has achieved a number of results in issuing management documents, inventorying, classifying and restoring relics, promoting education on historical traditions, and linking relics with tourism development. However, the management mechanism still faces limitations in intersectoral coordination, financial resources, data digitalization, mobilization of non-state resources, and heritage tourism products. On that basis, the article proposes groups of solutions to improve the state management mechanism for historical and cultural relics, contributing to protecting and promoting the values of historical and cultural relics in the Mekong Delta.

Keywords: Historical and cultural relics; Mekong Delta; state management; provincial-level People's Committees.

NGÀY NHẬN: 16/8/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 18/9/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 06/10/2026

Email: ptthao@vnkgu.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.370.2026.1663>

1. Đặt vấn đề

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa đặc sắc, nơi lưu giữ nhiều di tích lịch sử - văn hóa gắn với quá trình khai hoang, lập làng, đấu tranh bảo vệ

Tổ quốc, giao lưu văn hóa và đời sống tín ngưỡng của cộng đồng cư dân Việt, Khmer, Hoa, Chăm. Hệ thống di tích trong vùng

* ThS, NCS, Trường Đại học Kiên Giang

không chỉ có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học mà còn là nguồn lực quan trọng phục vụ giáo dục truyền thống, phát triển du lịch và xây dựng bản sắc địa phương.

Từ ngày 01/7/2025, *Luật Di sản văn hóa* năm 2024 có hiệu lực, thay thế *Luật Di sản văn hóa* năm 2001 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Quốc hội, 2024), tạo cơ sở pháp lý mới cho công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Tuy nhiên, trong bối cảnh đô thị hóa, biến đổi khí hậu, sạt lở, ngập nước và nhu cầu khai thác du lịch ngày càng tăng, công tác quản lý nhà nước (QLNN) đối với di tích lịch sử - văn hóa đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Vì vậy, việc nghiên cứu hoàn thiện cơ chế QLNN đối với di tích lịch sử - văn hóa của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long có ý nghĩa quan trọng, góp phần bảo vệ di sản văn hóa và phát triển bền vững vùng.

2. Cơ sở pháp lý

Khoản 3 Điều 3 *Luật Di sản văn hóa* năm 2024 định nghĩa: “Di tích lịch sử - văn hóa là công trình kiến trúc, nghệ thuật, cụm công trình xây dựng, địa điểm, di chỉ khảo cổ hoặc cấu trúc có tính chất khảo cổ học; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, cụm công trình, địa điểm, di chỉ hoặc cấu trúc đó, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học”. Như vậy, di tích lịch sử - văn hóa được hiểu là những công trình kiến trúc, nghệ thuật, cụm công trình xây dựng, địa điểm, di chỉ hoặc cấu trúc khảo cổ học cùng với các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia liên quan, mang giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học, cần được nhận diện, bảo vệ và phát huy trong đời sống xã hội.

Về trách nhiệm QLNN đối với di tích lịch sử - văn hóa của UBND dân cấp tỉnh, tại khoản 4 Điều 90 *Luật Di sản văn hóa* năm 2024 quy định: UBND cấp tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm sau đây: “a) Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn; b) Chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động quản lý,

bảo vệ và phát huy giá trị đối với di sản văn hóa trên địa bàn được đưa vào các danh mục kiểm kê, di sản văn hóa trên địa bàn được xếp hạng, ghi danh, công nhận trong các danh mục của quốc gia, các danh sách, danh mục của UNESCO theo quy định của *Luật* này, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định, hướng dẫn của UNESCO; c) Ban hành Quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa với các địa phương có chung di sản văn hóa được xếp hạng, ghi danh, công nhận ở các danh mục của quốc gia hoặc các danh sách, danh mục của UNESCO”.

Từ quy định trên, nội dung QLNN đối với di tích lịch sử - văn hóa của UBND cấp tỉnh bao gồm: (1) Xây dựng và ban hành quy chế quản lý di tích; (2) Tổ chức quản lý, bảo vệ di tích trên địa bàn; (3) Phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa; (4) Ban hành quy chế phối hợp quản lý di tích liên địa phương.

3. Thực trạng cơ chế quản lý nhà nước đối với di tích lịch sử - văn hóa của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long

Hiện nay, “Vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm 5 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau” (Chính phủ, 2025). Đây là vùng đất có hệ thống di tích lịch sử - văn hóa phong phú, như: văn hóa Khmer, Hoa, Chăm và các cộng đồng cư dân bản địa.

Những năm gần đây, cơ chế QLNN đối với di tích lịch sử - văn hóa của UBND cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các địa phương trong vùng đã quan tâm hơn đến việc ban hành văn bản quản lý, lập hồ sơ kiểm kê, xếp hạng di tích, bố trí kinh phí tu bổ, phục hồi di tích, đồng thời, từng bước gắn bảo tồn di tích với giáo dục truyền thống, phát triển du lịch và xây dựng bản sắc văn hóa địa phương.

Các tỉnh, thành phố đã ban hành kế hoạch, chương trình hoặc quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn. Thành phố Cần Thơ đã ban hành Kế hoạch số

89/KH-UBND ngày 14/4/2021 về bảo tồn và phát huy di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể, làng nghề, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025. Năm 2024, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý và phát huy di tích lịch sử - văn hóa; theo thông tin tại lớp bồi dưỡng, thành phố hiện có 38 di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng (Ngân Nga, 2024).

Tỉnh Cà Mau đã từng bước xây dựng cơ chế quản lý di tích theo hướng có chương trình, mục tiêu và phân kỳ thực hiện rõ ràng. Tỉnh đã ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 về quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh. Năm 2026, tỉnh tiếp tục ban hành Chương trình số 04/CTr-UBND ngày 02/02/2026 về bảo tồn, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử; phát huy hiệu quả giá trị di sản, di tích văn hóa, lịch sử và các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc (UBND tỉnh Cà Mau, 2026). Qua đó, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý di tích ở cơ sở, nhất là trong việc nắm bắt quy trình tu bổ, bảo quản, phục hồi và bảo đảm an ninh, an toàn tại di tích.

Tại tỉnh Vĩnh Long đã triển khai các giải pháp bảo tồn di sản văn hóa, trong đó có việc lập hồ sơ xếp hạng, trùng tu, tôn tạo di tích và huy động nguồn lực xã hội hóa. Trong giai đoạn 2021 - 2022, tỉnh đã tiến hành tu bổ 4 di tích với kinh phí trên 2,1 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước, hơn 5,4 tỷ đồng từ nguồn xã hội hóa và hàng ngàn ngày công lao động (Tỉnh ủy Vĩnh Long, 2025).

Năm 2024, tỉnh An Giang cũng đã khảo sát 15 di tích về việc trùng tu, tôn tạo; hoàn thành bản đồ khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng tại nhiều địa phương, như: An Phú, Châu Phú, Châu Thành, Tân Châu, Châu Đốc, Long Xuyên; hoàn thành hồ sơ khoa học di tích Bửu Hương Các để

nghị xếp hạng di tích cấp tỉnh; đồng thời, lắp đặt mã QR giới thiệu tại 19 di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh (Trung Hiếu, 2025).

Vùng đã bước đầu quan tâm đến chuyển đổi số trong quản lý, giới thiệu và quảng bá di tích. Ở Cà Mau, từ tháng 8/2024, Công an tỉnh đã triển khai công trình “Số hóa Di tích lịch sử quốc gia Hòn Đá Bạc”, tích hợp thông tin, hình ảnh, video, tư liệu lịch sử qua mã QR tại từng điểm tham quan. Sau thời gian triển khai, công trình ghi nhận hơn 136.000 lượt truy cập, tham quan, trong đó có trên 70 đoàn học sinh, sinh viên, cán bộ, chiến sĩ đến tìm hiểu, học tập, sinh hoạt chính trị và du lịch. Việc ứng dụng công nghệ số hỗ trợ hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống và phát triển du lịch văn hóa tại di tích.

Nhìn chung, kết quả đạt được trong cơ chế QLNN đối với di tích lịch sử - văn hóa của UBND cấp tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long thể hiện ở bốn phương diện chính: (1) Ban hành văn bản, kế hoạch, quy chế quản lý; (2) Lập hồ sơ, kiểm kê, xếp hạng và khoanh vùng bảo vệ di tích; (3) Bố trí ngân sách và huy động xã hội hóa cho tu bổ, tôn tạo; (4) Từng bước gắn di tích với giáo dục truyền thống, lễ hội, chuyển đổi số và phát triển du lịch.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, cơ chế QLNN đối với di tích lịch sử - văn hóa của UBND cấp tỉnh của vùng còn nhiều hạn chế.

Thứ nhất, cơ chế quản lý ở một số địa phương còn phân tán, chưa thật sự đồng bộ giữa các cấp, các ngành. Di tích thường liên quan đến nhiều lĩnh vực, như: văn hóa, đất đai, xây dựng, du lịch, tài chính, môi trường, tôn giáo, tín ngưỡng và quản lý cộng đồng. Tuy nhiên, trên thực tế, sự phối hợp giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, ban quản lý di tích và các đơn vị liên quan chưa phải lúc nào cũng rõ ràng, nhất là đối với các di tích nằm trong khu dân cư, cơ sở tôn giáo hoặc khu vực có biến động về đất đai, quy hoạch, xây dựng.

Thứ hai, một số quy định quản lý ở địa phương chưa được rà soát, cập nhật để phù hợp với *Luật Di sản văn hóa* năm 2024 và các văn bản hướng dẫn mới; trách nhiệm phối hợp, lập hồ sơ khoa học, xác nhận di tích xuống cấp, tu bổ, phục hồi, xã hội hóa và khai thác di tích chưa thực sự bảo đảm tương thích với pháp luật hiện hành.

Thứ ba, nguồn lực tài chính dành cho bảo tồn di tích vẫn còn hạn chế so với nhu cầu thực tế. Dù nhiều địa phương đã bố trí ngân sách và huy động xã hội hóa, nhưng số lượng di tích lớn, tình trạng xuống cấp diễn ra ở nhiều nơi, trong khi kinh phí tu bổ di tích thường đòi hỏi quy trình chuyên môn chặt chẽ và nguồn vốn không nhỏ.

Thứ tư, công tác kiểm kê, số hóa dữ liệu, lập hồ sơ khoa học và quản lý thông tin di tích chưa đồng đều giữa các tỉnh. Mặc dù, An Giang là địa phương đã hoàn thành bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích ở nhiều địa bàn và lắp mã QR tại 19 di tích cấp quốc gia; Cà Mau cũng có mô hình số hóa tại Hòn Đá Bạc. Tuy nhiên, các kết quả này vẫn mang tính điểm sáng, chưa phản ánh một hệ thống cơ sở dữ liệu di tích đồng bộ, liên thông toàn vùng.

Thứ năm, xã hội hóa trong bảo tồn di tích tuy đã có chuyển biến nhưng chưa thật sự bền vững. Một số di tích có giá trị lịch sử lớn nhưng chưa tạo được nguồn thu ổn định, chưa hình thành được mô hình hợp tác công - tư hoặc mô hình cộng đồng cùng quản lý, cùng hưởng lợi.

Thứ sáu, hoạt động khai thác du lịch tại một số di tích còn đơn điệu, chưa tạo được sản phẩm văn hóa đặc thù vùng. Nhiều địa phương đã xác định di tích là tài nguyên du lịch nhưng cách khai thác vẫn chủ yếu là tham quan, dâng hương, nghe thuyết minh, chụp ảnh, chưa kết hợp hiệu quả với trải nghiệm văn hóa sông nước, ẩm thực, lễ hội, làng nghề, nghệ thuật dân gian, sinh hoạt cộng đồng và giáo dục di sản.

4. Giải pháp hoàn thiện

Một là, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp trong quản lý di tích lịch sử - văn hóa. Ban hành hoặc rà soát lại quy chế phối hợp quản lý di tích trên địa bàn, trong đó xác định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND xã, phường, ban quản lý di tích, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư và các tổ chức liên quan. Thiết lập cơ chế họp định kỳ giữa các ngành có liên quan, quy định chế độ báo cáo về tình trạng di tích, quy trình xử lý khi di tích bị xuống cấp, xâm hại hoặc phát sinh tranh chấp đất đai. Tăng cường vai trò điều phối của cơ quan chuyên môn về văn hóa, nhưng không giao toàn bộ trách nhiệm cho ngành Văn hóa, cần có sự phối hợp liên ngành, như: quy hoạch, xây dựng, môi trường, tài chính, du lịch và đời sống cộng đồng.

Hai là, rà soát, sửa đổi và chuẩn hóa hệ thống văn bản quản lý di tích ở cấp tỉnh phù hợp với *Luật Di sản văn hóa* năm 2024 và các văn bản hướng dẫn mới. UBND cấp tỉnh cần giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp xã tiến hành rà soát toàn bộ văn bản liên quan đến quản lý, bảo vệ, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích. Chuẩn hóa quy trình lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo các quy định mới, tránh tình trạng tu bổ tùy tiện, làm sai lệch yếu tố gốc hoặc can thiệp quá mức vào không gian di tích.

Ba là, bảo đảm nguồn lực tài chính ổn định, đa dạng và có trọng tâm cho công tác bảo tồn, tu bổ di tích. Xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn và dài hạn cho bảo tồn di tích, thay vì chỉ bố trí kinh phí theo từng năm hoặc theo từng vụ việc phát sinh. Tiến hành phân loại mức độ xuống cấp của di tích, xác định nhóm di tích có nguy cơ hư hỏng nghiêm trọng, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh và di tích có giá trị giáo dục, du lịch cao để ưu tiên đầu tư. Đối với các tỉnh chịu tác động mạnh của sạt lở, ngập nước, xâm nhập mặn, như: Cà Mau, An Giang, Đồng Tháp, việc bố trí kinh phí tu bổ cần gắn với phòng, chống thiên tai, bảo vệ

cảnh quan và thích ứng biến đổi khí hậu. Bên cạnh ngân sách nhà nước cần mở rộng các nguồn lực hợp pháp khác như tài trợ của doanh nghiệp, đóng góp của cộng đồng, quỹ bảo tồn di sản, hợp tác công - tư và nguồn thu từ hoạt động tham quan, dịch vụ tại di tích.

Bốn là, đẩy mạnh kiểm kê, số hóa dữ liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông về di tích lịch sử - văn hóa. Xây dựng cơ sở dữ liệu số về di tích, bao gồm: tên di tích, loại hình, cấp xếp hạng, vị trí địa lý, bản đồ khoanh vùng bảo vệ, hồ sơ pháp lý, tư liệu lịch sử, hình ảnh, bản vẽ, hiện trạng kiến trúc, tình trạng xuống cấp, lịch sử tu bổ, đơn vị quản lý, nguồn kinh phí và khả năng khai thác du lịch. Các mô hình đã triển khai như lắp mã QR giới thiệu di tích ở An Giang hoặc số hóa di tích Hòn Đá Bạc ở Cà Mau cần được nhân rộng, nhưng không nên dừng ở mức quảng bá thông tin cho khách tham quan. Về lâu dài, có thể xây dựng cơ sở dữ liệu di tích liên vùng để phục vụ nghiên cứu, giáo dục, du lịch và hoạch định chính sách.

Năm là, đổi mới cơ chế xã hội hóa theo hướng cộng đồng cùng tham gia, cùng giám sát và cùng hưởng lợi. Đối với di tích gắn với đình, chùa, miếu, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng hoặc cộng đồng dân cư, cần phát huy vai trò của người dân, chức sắc tôn giáo, ban quý tộc, ban hộ tự, người cao tuổi, nhà nghiên cứu địa phương trong việc bảo vệ, truyền dạy kỹ ước lịch sử và giám sát hoạt động tu bổ. Đối với doanh nghiệp, cần khuyến khích tham gia tài trợ bảo tồn, phát triển dịch vụ phụ trợ, truyền thông, số hóa và tổ chức hoạt động du lịch văn hóa nhưng phải có hợp đồng, quy chế và tiêu chuẩn bảo tồn rõ ràng. Công khai danh mục di tích cần tu bổ, dự toán kinh phí, nguồn huy động và kết quả sử dụng nguồn lực xã hội hóa để tạo niềm tin cho người dân và doanh nghiệp.

Sáu là, phát triển sản phẩm du lịch di sản đặc thù của vùng. Các địa phương cần kết nối di tích lịch sử - văn hóa với cảnh quan sông nước, chợ nổi, làng nghề, ẩm thực, nghệ thuật đờn ca tài tử, lễ hội dân gian, văn hóa Khmer, Hoa, Chăm, du lịch cộng đồng và du lịch sinh

thái. Đổi mới nội dung thuyết minh, ứng dụng công nghệ số, xây dựng tour học tập di sản cho học sinh, sinh viên, phát triển sản phẩm lưu niệm địa phương và nâng cao chất lượng dịch vụ tại điểm di tích. Phát triển du lịch di sản phải dựa trên nguyên tắc bảo tồn trước, khai thác sau; không đánh đổi giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan và tính linh thiêng của di tích để lấy lợi ích kinh tế ngắn hạn.

5. Kết luận

Hoàn thiện cơ chế QLNN đối với di tích lịch sử - văn hóa của UBND cấp tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh hệ thống di tích của vùng ngày càng chịu tác động mạnh mẽ từ đô thị hóa, biến đổi khí hậu, nhu cầu phát triển du lịch và yêu cầu bảo tồn bản sắc văn hóa. Qua phân tích, bài viết đề xuất: UBND cấp tỉnh cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, tăng cường trách nhiệm quản lý, huy động nguồn lực xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi số và gắn bảo tồn với phát triển bền vững. Đây là cơ sở quan trọng để bảo vệ giá trị di tích, giáo dục truyền thống và phát huy nguồn lực văn hóa của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tài liệu tham khảo:

- Chính phủ (2025). *Nghị định số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 về điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
- Ngân Nga (27/4/2025). Cần Thơ: Bảo tồn di tích lịch sử gắn liền với phát triển du lịch. *Báo Công Thương*. <https://congthuong.vn/can-tho-bao-ton-di-tich-lich-su-gan-lien-voi-phat-trien-du-lich-385072.html>.
- Quốc hội (2024). *Luật Di sản văn hóa năm 2024*.
- Tỉnh ủy Vĩnh Long (19/6/2025). Chung tay bảo tồn, phát huy giá trị di tích. *Báo Vĩnh Long*. <https://vinhlong.dcs.vn/chung-tay-bao-ton-phat-huy-gia-tri-di-tich-1002507.ngn>.
- Trung Hiếu (11/3/2025). An Giang bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. *Báo An Giang*. <https://angiang.gov.vn/vi/an-giang-bao-ton-va-phat-huy-gia-tri-di-san-van-hoa>.
- UBND tỉnh Cà Mau (2026). *Chương trình số 04/Ctr-UBND ngày 02/02/2026 về bảo tồn, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử; phát huy hiệu quả các giá trị di sản, di tích văn hóa, lịch sử và các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc*.